MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I LỚP 3	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $762 + 129 =$ .....

Câu 2. Đồ vật dưới đây thuộc dạng hình khối gì?

A. Khối lập phương. **B.** Khối trụ. **C.** Khối cầu. **D.** Khối hộp chữ nhật.

Câu 3. Có 21 quả táo, chia đều cho 7 bạn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu quả táo?

A. 2 quả. **B.** 3 quả. **C.** 4 quả. **D.** 5 quả.

Câu 4. Mỗi luống cô Dung trồng 8 cây. Hỏi 8 luống như thế có tất cả bao nhiêu cây?

A. 64 cây. **B.** 56 cây. **C.** 32 cây. **D.** 72 cây.

Câu 5. Hộp đường dưới đây có cân nặng là bao nhiêu gam?

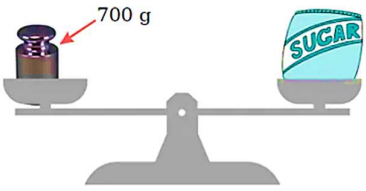

A. 500g. **B.** 600g. **C.** 700g. **D.** 800g.

Câu 6. Quyển truyện có 283 trang. An đã đọc được 129 trang. Hỏi An còn bao nhiêu trang truyện chưa đọc?

A. 154 trang. **B.** 412 trang. **C.** 145 trang. **D.** 421 trang.

Câu 7. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 42kg gạo, ngày thứ hai bán được số gạo giảm đi 6 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng bán ít hơn ngày thứ nhất bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

A. 35kg gạo **B.** 7kg gạo. **C.** 49kg gạo. **D.** 53kg gạo.

Câu 8. Tính tổng chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật biết chiều dài là 5cm và chiều rộng là 9mm.

A. 95mm. **B.** 41mm. **C.** 50mm. **D.** 59mm.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

143 + 97 451 + 266 723 – 409 621 – 69

Bài 2. Số?

$\frac{1}{2}$ số quả dưa hấu là ..... quả.

$\frac{1}{4}$ số quả dưa hấu là ..... quả.

Bài 3. Buổi sáng Hoa hái được 27 quả táo. Buổi chiều do nắng nên Hoa chỉ hái được $\frac{1}{3}$ số táo so với buổi sáng. Hỏi Hoa còn phải hái thêm bao nhiêu quả để bằng buổi sáng?

Bài 4. Tìm một số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng chục, chữ số hàng chục gấp ba lần chữ số hàng đơn vị.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

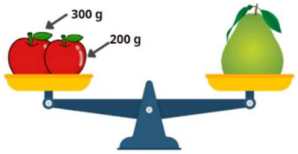

Câu 1. Quan sát hình bên và cho biết: Quả bưởi nặng bao nhiêu gam?

A. 500g. **B.** 300g.
C. 200g. **D.** 100g

Câu 2. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

A. 5 giờ 3 phút. **B.** 5 giờ 15 phút.
C. 3 giờ 25 phút. **D.** 3 giờ 5 phút.

Câu 3. Dấu ">; <; =" thích hợp để điền vào chỗ chấm: $180mm - 97mm \ldots\ldots 7cm + 43mm$ là

A. >. **B.** <. **C.** 4 =. **D.** Không có dấu nào.

Câu 4. Nối phép tính ở cột A với kết quả ở cột B cho phù hợp:

Cột A	Cột B
1 3×5	a. 8
2 8×7	b. 56
3 $36 : 4$	c. 9
4 $64 : 8$	d. 15

Câu 5. $\frac{1}{6}$ của một ngày là bao nhiêu giờ?

A. 4 giờ. **B.** 5 giờ. **C.** 6 giờ. **D.** 8 giờ.

Câu 6. Chị Mai đã tham dự một khóa học nấu ăn liên tiếp trong 35 ngày. Hỏi khóa học của chị Mai diễn ra trong mấy tuần lễ?

A. 3 tuần lễ. **B.** 4 tuần lễ. **C.** 5 tuần lễ. **D.** 6 tuần lễ.

Câu 7. Tìm một số biết rằng số đó giảm đi 9 lần sau đó lại tăng lên 5 lần thì được 45.

A. 25. **B.** 9. **C.** 225. **D.** 81.

Câu 8. Quan sát hình bên và chọn phát biểu **sai** trong các phát biểu dưới đây:

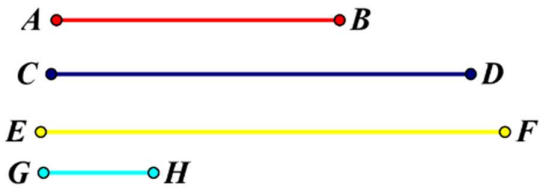

A. Độ dài đoạn thẳng AB lớn hơn độ dài đoạn thẳng GH.

B. Độ dài đoạn thẳng CD lớn nhất.

C. Độ dài đoạn thẳng GH nhỏ nhất.

D. Độ dài đoạn thẳng EF lớn hơn độ dài đoạn thẳng CD.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

672 + 83 792 – 77 423 + 312 541 – 127

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 36 dm + 54 dm = ...m.
4 cm = ...mm.

b) 423 mm + 3 cm = ...mm
541 mm – 2 dm = ...mm

Bài 3. Năm nay bà 52 tuổi, tuổi của cháu là 3 tuổi. Hỏi 4 năm sau tuổi cháu bằng một phần mấy tuổi bà?

Bài 4. Có bao nhiêu số có ba chữ số mà tổng 3 chữ số của nó bằng 5?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. "1m = ...mm". Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 1000. **B.** 100. **C.** 10. **D.** 200.

Câu 2. Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

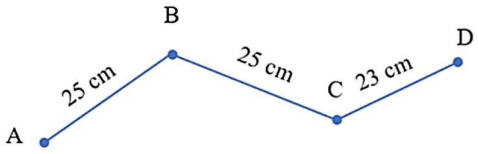

A. 50*cm*. **B.** 73*cm*.
C. 48*cm*. **D.** 37*cm*.

Câu 3. Số?

A. 56. **B.** 64. **C.** 72. **D.** 80.

Câu 4. Cho dãy số: 7 ; 14 ; 21 ; 28 ; ... ; ... ; ... ; 56 ; 63 ; 70. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

A. 32 ; 36 ; 40. **C.** 35 ; 40 ; 45.
B. 35 ; 42 ; 49. **D.** 32 ; 40 ; 48.

Câu 5. Can nhỏ đựng 3 lít mật ong, can to đựng số lít mật ong gấp 6 lần can bé. Can to đựng số lít mật ong là:

A. 18 lít. **B.** 12 lít. **C.** 9 lít. **D.** 21 lít.

Câu 6. Hình đã khoanh tròn vào $\frac{1}{6}$ số quả là:

A. 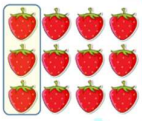 **B.** 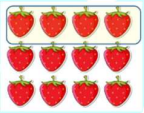 **C.** 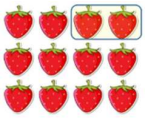 **D.** 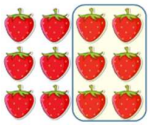

Câu 7. Ba con chó của gia đình Hoa có cân nặng như trong bức tranh. Các con chó cân nặng như nhau. Vậy mỗi con chó có cân nặng là:

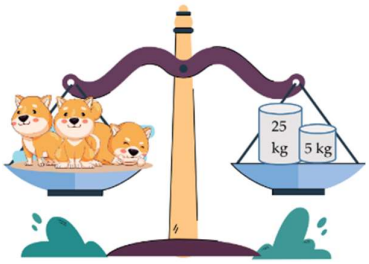

A. 7 kg. **B.** 8 kg. **C.** 9 kg. **D.** 10 kg.

Câu 8. Lan và Hùng cùng đi siêu thị. Lan mua 4 cái bút chì, Hùng mua số bút chì gấp 5 lần số bút chì của Lan. Hỏi Hùng mua nhiều hơn Lan bao nhiêu cái bút chì?

A. 20 cái. **B.** 15 cái. **C.** 16 cái. **D.** 24 cái.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

219 + 528 825 – 429 459 + 33 736 – 49

Bài 2. Số?

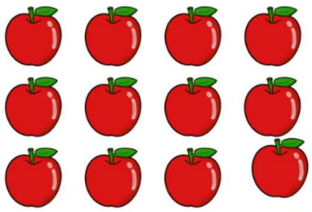

$\frac{1}{3}$ số quả táo là: ..... quả.

$\frac{1}{4}$ số quả táo là: ..... quả.

Bài 3. Buổi sáng bán được 63 lít dầu, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 56 lít dầu. Hỏi số lít dầu bán được buổi chiều bằng một phần mấy số lít dầu bán được buổi sáng?

Bài 4. Tính tổng: A = 20 – 19 + 18 – 17 + ... + 4 – 3 + 2 – 1.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tích của 8 và 6 là:

A. 40. **B.** 48. **C.** 56. **D.** 63.

Câu 2. Số cần điền trong hình tam giác là:

A. 553. **B.** 243. **C.** 327. **D.** 237.

Câu 3. Tâm, bán kính, đường kính của hình tròn dưới đây lần lượt là

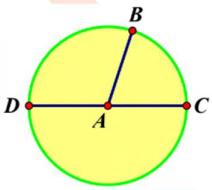

A. C, CD, AB. **B.** A, BD, CD.
C. B, CD, AC. **D.** A, AB, CD.

Câu 4. Nhà của Thỏ, Rùa và Ốc Sên lần lượt nằm trên ba điểm A, B, C (như bức tranh). Đoạn thẳng AC dài 16cm và B là trung điểm của đoạn thẳng AC. Vậy khoảng cách từ nhà Rùa đến nhà Thỏ là:

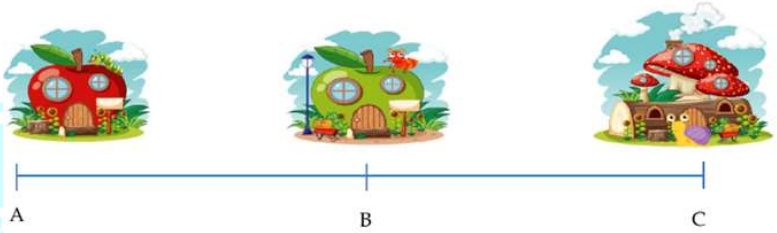

A. 6 cm. **B.** 7 cm. **C.** 8 cm. **D.** 9 cm.

Câu 5. Cô giáo có 63 cái kẹo. Cô chia đều số kẹo đó cho 9 bạn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu cái kẹo?

A. 6 cái kẹo. **B.** 9 cái kẹo. **C.** 7 cái kẹo. **D.** 8 cái kẹo.

Câu 6. Quan sát hình bên và cho biết $\frac{1}{5}$ số con bọ cánh cam là mấy con?

A. 4 con. **B.** 5 con.
C. 6 con. **D.** 20 con.

Câu 7. Bạn Hùng làm hộp quà có dạng khối hộp chữ nhật. Bạn dùng các nan tre làm cạnh và mỗi mặt dán một tờ giấy màu khác nhau. Hỏi bạn Hùng làm 3 hộp quà như thế thì cần bao nhiêu nan tre?

A. 12 nan tre. **B.** 6 nan tre. **C.** 36 nan tre. **D.** 18 nan tre.

Câu 8. Bác Minh đã làm việc được 8 giờ, mỗi giờ bác làm được 8 sản phẩm. Hỏi bác Minh làm được tất cả bao nhiêu sản phẩm?

A. 64 sản phẩm. **B.** 60 sản phẩm. **C.** 56 sản phẩm. **D.** 72 sản phẩm.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$3m + 5dm = ...cm$

$8dm + 60cm = ...cm$

$61cm - 2dm = ...cm$

$5m - 321cm = ...cm$

Bài 2. Quan sát hình bên và cho biết:

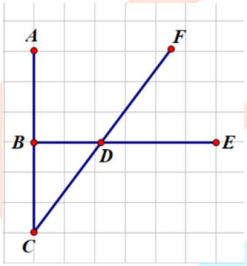

a) Kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng.

b) Điểm D nằm giữa những cặp điểm nào?

c) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng nào?

Bài 3. Cô giáo thưởng 32 quyển vở cho các bạn đạt học sinh giỏi trong lớp, mỗi bạn nhận được 4 quyển vở. Hỏi trong lớp có bao nhiêu bạn đạt học sinh giỏi?

Bài 4. Hiệu của hai số là 55, nếu thêm vào số trừ 17 đơn vị và giữ nguyên số bị trừ thì hiệu mới là bao nhiêu?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Biết hiệu là 354, số trừ là 173, số bị trừ là:

A. 527. **B.** 181. **C.** 257. **D.** 188.

Câu 2. Cho dãy số: 8 ; 12 ; 16 ; 20 ; ... ; ... ; ... ; 36 ; 40. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

A. 24 ; 27 ; 40. **B.** 23 ; 28 ; 40. **C.** 24 ; 28 ; 32. **D.** 24 ; 29 ; 32.

Câu 3. Số?

? × 8 = 66 + 24 − 18

A. 6. **B.** 7. **C.** 8. **D.** 9.

Câu 4. Bố An xây một bể cá có đáy là hình chữ nhật (như bức tranh) và trồng hoa súng. Trong đó, mỗi lá súng có dạng hình tròn đường kính 5dm. Vậy chiều dài của bể cá là: (biết khoảng cách giữa hai lá liền nhau không đáng kể)

A. 8 × 5 = 45 (dm). **B.** 5 × 8 = 40 (dm).
C. 4 × 5 = 20 (dm). **D.** 5 × 4 = 30 (dm).

Câu 5. Mẹ mua 36 quả táo. Mẹ chia cho Linh $\frac{1}{6}$ số táo đó. Hỏi Linh có bao nhiêu quả táo?

A. 6 quả táo. **B.** 5 quả táo. **C.** 7 quả táo. **D.** 8 quả táo.

Câu 6. Hình nào có nhiều góc vuông nhất?

A. 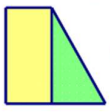 **B.** **C.** **D.**

Câu 7. Cho đoạn thẳng AD = 8 cm, có B là trung điểm của đoạn AD, C là trung điểm của đoạn thẳng BD. Độ dài đoạn thẳng BC là:

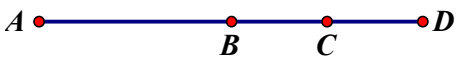

A. 4 cm. **B.** 3 cm. **C.** 2 cm. **D.** 5 cm.

Câu 8. Mỗi xe ô tô chở được 7 người. Hỏi 4 xe ô tô như thế chở được bao nhiêu người?

A. 21 người. **B.** 35 người. **C.** 27 người. **D.** 28 người.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

4×3 ..... $81 : 9$

8×6 .....7×7

$30 : 5$ ..... $48 : 8$

$64 : 8$ ..... 7×2

Bài 2. Viết phép tính thích hợp vào chỗ trống.

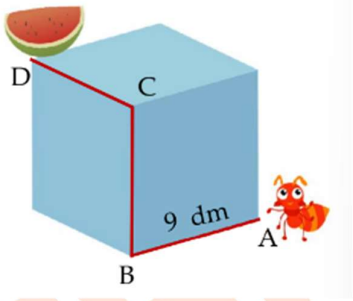

Con kiến bò từ đỉnh A qua các đỉnh B, C của chiếc hộp dạng hình lập phương (như bức tranh) để đến chỗ miếng dưa hấu ở đỉnh D.

Quãng đường con kiến bò dài là:

□ □ □ = □ (dm).

Bài 3. Hôm nay cô Mai sẽ phát phần thưởng cho các bạn đạt danh hiệu học sinh tiêu biểu tháng 10 của lớp 3A. Mỗi bạn sẽ được tặng thưởng 8 quyển vở. Bình đếm được trên bàn cô giáo có 40 quyển vở. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn đạt danh hiệu học sinh tiêu biểu tháng 10?

Bài 4. Ghép bốn thanh gỗ dài 18cm, 17cm, 20cm và 13cm thành một thanh gỗ dài 62cm (như hình vẽ). Biết các đoạn nối CD, EF và GH dài bằng nhau.

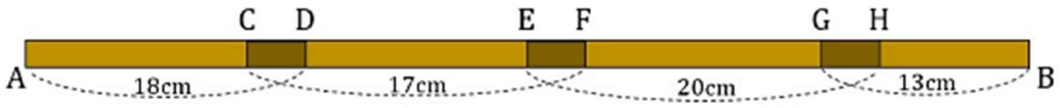

Độ dài mỗi đoạn nối là bao nhiêu?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Biết thừa số thứ nhất là 6, tích là 42, thừa số thứ hai là:

A. 7. **B.** 8. **C.** 6. **D.** 9.

Câu 2. Hình được tô màu $\frac{1}{5}$ hình là:

A. 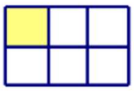 **B.** **C.** 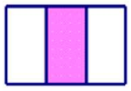 **D.**

Câu 3. Dấu ">, <, =" thích hợp để điền vào chỗ chấm: $145 + 538 \ldots\ldots 928 - 476$ là:

A. >. **B.** <. **C.** =. **D.** Không có dấu nào.

Câu 4. Hai hình vuông ABEG và BCDE đều có cạnh là 8 cm (như hình vẽ). Độ dài đường gấp khúc ABEDC là:

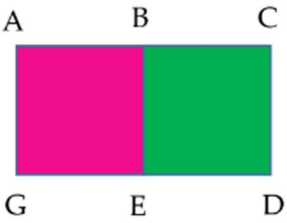

A. 8 cm. **B.** 16 cm.
C. 24 cm. **D.** 32 cm.

Câu 5. Cho hình vuông có cạnh dài 12 cm (như hình vẽ). Độ dài bán kính của hình tròn là:

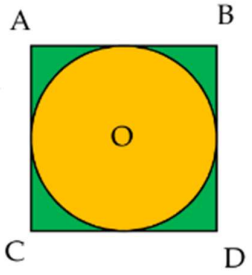

A. 8 cm. **B.** 7 cm.
C. 6 cm. **D.** 5 cm.

Câu 6. Các ngôi nhà trong khu phố nơi Hà và An sống được xây sát nhau. Mỗi ngôi nhà rộng 4m (như bức tranh). Nhà Hà cách nhà An 8 ngôi nhà. Vậy khoảng cách từ nhà Hà đến nhà An là:

A. 12 m. **B.** 18 m. **C.** 27 m. **D.** 32 m

Câu 7. Chỉ cần vẽ thêm 2 đoạn thẳng để hình vuông sau có đúng 12 góc vuông.

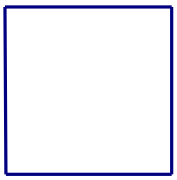

Đáp án nào dưới đây là cách vẽ đúng?

A. 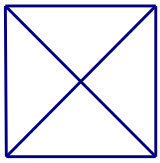 **B.** 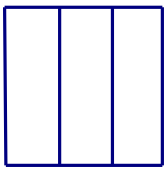 **C.** 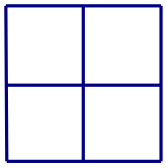 **D.** 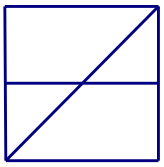

Câu 8. Ghép 8 khối lập phương nhỏ được khối lập phương lớn (như hình vẽ). Người ta sơn màu đỏ vào tất cả các mặt của khối lập phương lớn. Hỏi có tất cả bao nhiêu mặt của các khối lập phương nhỏ được sơn màu đỏ?

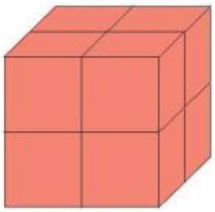

A. 6 khối. **B.** 24 khối.

C. 16 khối. **D.** 12 khối.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

3×8	$72 : 9$	$45 : 9$	$0 : 3$
4×2	$35 : 7$	4×6	9×0

Bài 2. Số?

$\frac{1}{3}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

$\frac{1}{8}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

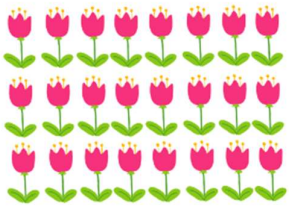

Bài 3. Chiều nay hai chị em An và Minh giúp bố trồng 8 cây táo. Hai chị em mất 5 phút để trồng xong một cây táo.

a) Hỏi An và Minh trồng 8 cây táo hết bao nhiêu phút?

b) Khi bắt đầu trồng, An thấy đồng hồ chỉ thời gian như hình bên. Hỏi An và Minh trồng xong 8 cây táo vào lúc mấy giờ?

Bài 4. Tìm số chia trong phép chia hết, biết số bị chia là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số và thương là số lớn nhất có một chữ số.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Chọn khẳng định đúng:

A. 543 gồm 5 trăm, 4 chục và 3 đơn vị.

B. 265 gồm 6 trăm, 2 chục và 5 đơn vị.

C. Các số 912, 913, 904 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

D. $305 + 519 = 724$.

Câu 2. 18 mm + ... mm = 3 cm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 22. **B.** 32. **C.** 12. **D.** 20.

Câu 3. Dựa vào tóm tắt sau, hãy tìm tổng số chó và mèo.

Chó: 110 con.

Mèo: 205 con.

Cả chó và mèo: ..... con?

A. 105 con. **B.** 315 con. **C.** 350 con. **D.** 215 con.

Câu 4. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?

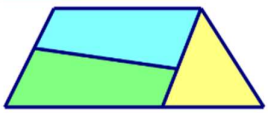

A. 3 hình tứ giác. **B.** 5 hình tứ giác.

C. 4 hình tứ giác. **D.** 6 hình tứ giác.

Câu 5. Mỗi khối gỗ lập phương được gắn một chữ cái ở một mặt bất kì (như hình vẽ). Hỏi 3 khối lập phương này có bao nhiêu mặt không được gắn chữ?

A. 3 mặt. **B.** 10 mặt. **C.** 18 mặt. **D.** 15 mặt.

Câu 6. Cho biết đồng hồ bên chỉ mấy giờ:

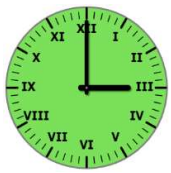

A. 2 giờ. **B.** 3 giờ.

C. 4 giờ. **D.** 5 giờ.

Câu 7. Có 21 miếng phô mai, chia đều vào 3 đĩa. Mỗi đĩa có bao nhiêu miếng phô mai?

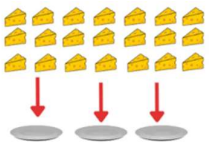

A. 7 miếng. **B.** 6 miếng.

C. 19 miếng. **D.** 8 miếng.

Câu 8. Bác Mai thu hoạch được 20 quả mít, bác chia đều vào 2 túi để mang ra chợ bán. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu quả mít?

A. 2 quả. **B.** 5 quả. **C.** 10 quả. **D.** 15 quả.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

142 + 21 = ... 36 : 4 + 155 = ...

402 – 199 = ... 3 × 9 – 11 = ...

Bài 2. Hãy khoanh vào:

a) $\frac{1}{3}$ số con kiến.

b) $\frac{1}{4}$ số quả dâu.

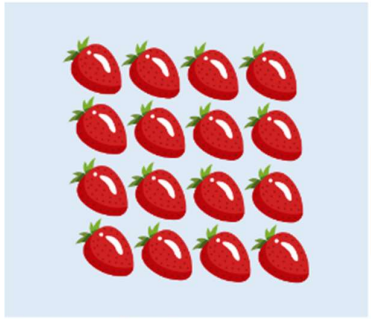

Bài 3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 24m vải, buổi chiều bán được gấp đôi số mét vải buổi sáng. Hỏi cả ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải?

Bài 4. Tìm số bị chia biết thương là số lớn nhất có hai chữ số khác nhau, số chia bằng 5 và số dư là số dư lớn nhất có thể.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Trong các đồ vật dưới đây, có mấy đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật?

A. 0 đồ vật. **B.** 1 đồ vật. **C.** 2 đồ vật. **D.** 3 đồ vật.

Câu 2. Lớp 3B có 49 học sinh, trong đó số học sinh nam là 25 bạn. Số học sinh nữ của lớp 3B là

A. 74 học sinh. **B.** 14 học sinh. **C.** 24 học sinh. **D.** 20 học sinh.

Câu 3. Kết quả của phép tính: $215 - 3 \times 9$ là

A. 188. **B.** 190. **C.** 288. **D.** 212.

Câu 4. Số cần điền vào chỗ chấm để: 7dm 3mm = ...mm là:

A. 73. **B.** 703. **C.** 730. **D.** 370.

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Hình bên dưới có ..... hình tam giác, ... hình tứ giác.

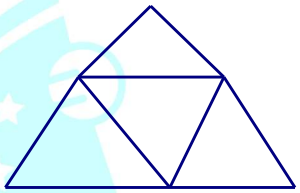

Câu 6. Mẹ cắm 30 bông hoa vào các lọ, mỗi lọ 5 bông. Hỏi mẹ cắm được mấy lọ hoa như vậy?

A. 9 lọ hoa. **B.** 8 lọ hoa. **C.** 7 lọ hoa. **D.** 6 lọ hoa.

Câu 7. Một luống xu hào có 4 củ, một luống cà rốt có 3 củ. Hỏi hai luống xu hào và bốn luống cà rốt có tất cả bao nhiêu củ xu hào và cà rốt?

A. 18 củ. **B.** 11 củ. **C.** 22 củ. **D.** 20 củ.

Câu 8. Đã khoanh vào một phần mấy của hình dưới đây?

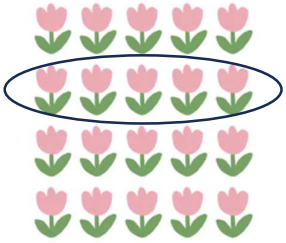

A. $\frac{1}{2}$. **B.** $\frac{1}{3}$. **C.** $\frac{1}{4}$. **D.** $\frac{1}{5}$.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Số?

Dưới đây là một số miếng dán để dùng làm phần thưởng.

a) Có tất cả .....miếng dán.

b) Được chia làm ..... loại miếng dán.

c) Cô giáo thưởng đều cho mỗi bạn 4 miếng dán. Có ..... bạn được nhận thưởng.

Bài 2. Tính nhẩm:

a) $30 \times 6 = ...$

b) $280 : 4 = ...$

c) $70 - ..... = 30$

d) $..... + 25 = 100$

Bài 3. Một quầy bán hàng có 27 kg cam và đã bán $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi quầy hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cam?

Bài 4. Một phép chia có số chia là số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau, thương bằng 3 và số dư là số dư lớn nhất có thể. Tìm số bị chia.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số gồm bốn trăm và sáu đơn vị là

A. 460. **B.** 406. **C.** 640. **D.** 604.

Câu 2. Lớp học của Nam có dạng hình chữ nhật (như hình bên dưới). Nam đếm được có 9 viên gạch men xếp theo chiều rộng của lớp học, mỗi viên gạch men có dạng hình vuông cạnh dài 3 dm. Hỏi chiều rộng của lớp học Nam dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 270 cm. **B.** 90 cm. **C.** 270 dm. **D.** 90 dm.

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ trống để: 35 mm + ... mm = 1 dm là

A. 10. **B.** 56. **C.** 65. **D.** 100.

Câu 4. Hình đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số quả là:

A. 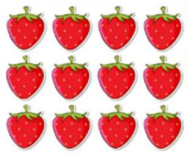 **B.** 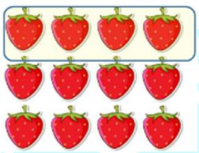 **C.** 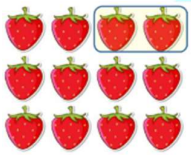 **D.** 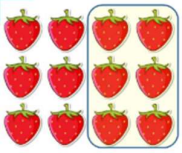

Câu 5. Kết quả của phép tính $32 : 4 + 512$ là:

A. 520. **B.** 500. **C.** 518. **D.** 250.

Câu 6. Lớp 3A tổ chức sinh hoạt lớp từ 9 giờ 20 phút sáng đến 9 giờ 50 phút sáng. Hỏi lớp 3A đã tổ chức sinh hoạt lớp trong bao lâu?

A. 2 giờ 25 phút. **B.** 30 phút. **C.** 50 phút. **D.** 1 giờ 55 phút.

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Tứ giác ABCD có ..... đỉnh, ... cạnh.

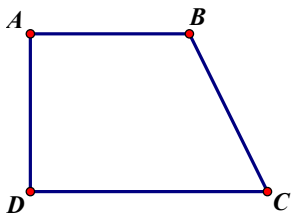

Câu 8. Có hai xe chở hàng, xe thứ nhất chở được 63 bao hàng, xe thứ hai chở nhiều hơn xe thứ nhất 21 bao. Vậy cả hai xe chở được bao nhiêu bao hàng?

A. 147 bao hàng. **B.** 105 bao hàng. **C.** 157 bao hàng. **D.** 84 bao hàng.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a)

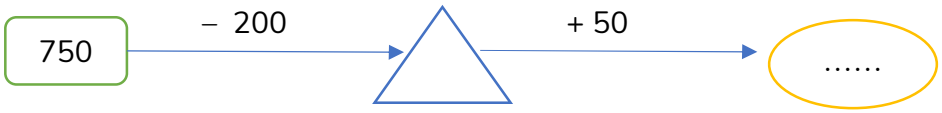

b)

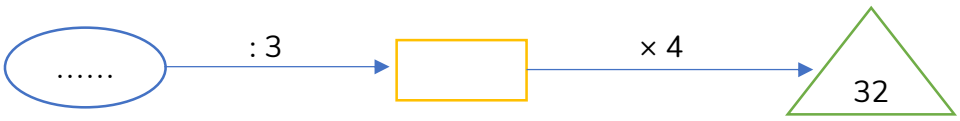

Bài 2. Bố Trung làm những chiếc ghế có dạng khối hộp chữ nhật như hình bên. Mỗi cạnh là một thanh sắt. Mỗi chiếc ghế cần một tấm gỗ dán phía trên và một tấm gỗ dán phía dưới. Vậy:

a) Một chiếc ghế cần ..... thanh sắt.

b) Sáu chiếc ghế cần ..... tấm gỗ.

Bài 3. Người ta xếp 40 chiếc bánh vào các hộp. Mỗi hộp có 4 chiếc bánh. Sau đó xếp các hộp bánh vào các thùng, mỗi thùng 2 hộp bánh. Hỏi có bao nhiêu thùng bánh sau khi xếp?

Bài 4. Cô giáo có 20 quyển sách. Cô thưởng cho các bạn học sinh giỏi $\frac{1}{4}$ số sách, $\frac{1}{5}$ số sách cô thưởng cho các bạn học sinh khá. Hỏi sau khi cô thưởng cho các bạn học sinh giỏi và khá, cô còn lại bao nhiêu quyển sách?

Trả lời: .....

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	891	C	B	A	C	A	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

143 + 97 451 + 266 723 – 409 621 – 69

Lời giải

$$\begin{array}{r} 143 \\ +\ 97 \\ \hline 240 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 451 \\ +\ 266 \\ \hline 717 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 723 \\ -\ 409 \\ \hline 314 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 621 \\ -\ 69 \\ \hline 552 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm)

$\frac{1}{2}$ số quả dưa hấu là ..... quả.

$\frac{1}{4}$ số quả dưa hấu là ..... quả.

Lời giải

Có 8 quả dưa hấu.

+) Chia 8 quả dưa hấu thành 2 phần bằng nhau. Mỗi phần có 4 quả dưa hấu.

Vậy $\frac{1}{2}$ số quả dưa hấu là 4 quả.

+) Chia 8 quả dưa hấu thành 4 phần bằng nhau. Mỗi phần có 2 quả dưa hấu.

Vậy $\frac{1}{4}$ số quả dưa hấu là 2 quả.

Bài 3. (2 điểm) Buổi sáng Hoa hái được 27 quả táo. Buổi chiều do nắng nên Hoa chỉ hái được $\frac{1}{3}$ số táo so với buổi sáng. Hỏi Hoa còn phải hái thêm bao nhiêu quả để bằng buổi sáng?

Lời giải

Buổi chiều Hoa hái được số quả táo là: $27 : 3 = 9$ (quả).

Hoa cần phải hái thêm số quả táo là: $27 - 9 = 18$ (quả).

Đáp số: 18 quả táo.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm một số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng chục, chữ số hàng chục gấp ba lần chữ số hàng đơn vị.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số cần tìm là: **631.**

(Nếu hàng đơn vị là 1, thì hàng chục sẽ là: 1 x 3 = 3, hàng trăm là: 3 x 2 = 6.

Tương tự, em xét tiếp với hàng đơn vị lần lượt là 2, 3,... cho đến khi tìm được số thích hợp.

Ta có thể lập bảng như sau:

Hàng đơn vị	*Hàng chục*	*Hàng trăm*
1	*3*	*6*
2	*6*	*12 (loại)*

Vậy số cần tìm là 631.

(Chú ý: Ta không xét trường hợp hàng đơn vị bằng 0 vì như vậy các hàng còn lại cũng bằng 0 (loại)).)

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	B	1 – d; 2 – b; 3 – c; 4 – a.	A	C	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

672 + 83 792 – 77 423 + 312 541 – 127

Lời giải

$$\begin{array}{r} 672 \\ +\ 83 \\ \hline 755 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 792 \\ -\ 77 \\ \hline 715 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 423 \\ +\ 312 \\ \hline 735 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 541 \\ -\ 127 \\ \hline 414 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 36 dm + 54 dm = ...m.
4 cm = ...mm.

b) 423mm + 3cm = ...mm
541mm – 2dm = ...mm

Lời giải

a) 36 dm + 54 dm = **9** m.
4 cm = **40** mm.

b) 423mm + 3cm = **453**mm.
541mm – 2dm = **341**mm.

Bài 3. (2 điểm) Năm nay bà 52 tuổi, tuổi của cháu là 3 tuổi. Hỏi 4 năm sau tuổi cháu bằng một phần mấy tuổi bà?

Lời giải

4 năm sau tuổi của cháu là: $3 + 4 = 7$ (tuổi).

4 năm sau tuổi của bà là: $52 + 4 = 56$ (tuổi).

4 năm sau tuổi bà gấp số lần tuổi cháu là: 56 : 7 = 8 (lần).

Vậy 4 năm sau tuổi cháu bằng $\frac{1}{8}$ tuổi của bà.

Bài 4. (0,5 điểm) Có bao nhiêu số có ba chữ số mà tổng 3 chữ số của nó bằng 5?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Có **15** số có ba chữ số mà tổng 3 chữ số của nó bằng 5.

(Ta có:

$5 = 5+0+0$

$= 4+1+0$

$= 3+2+0 = 3+1+1$

$= 2+2+1.$

Với $5 = 5+0+0$, *ta lập được 1 số là 500.*

Với $5 = 4+1+0$, *ta lập được các số là: 104, 140, 401, 410. Vậy có 4 số.*

Với $5 = 3+2+0 = 3+1+1$, *ta lập được các số là: 203; 230; 302; 320; 113; 131; 311. Vậy có 7 số.*

Với $5 = 2+2+1$, *ta lập được các số là: 122; 212; 221. Vậy có 3 số.*

Do đó có: $1+4+7+3 = 15$ *số có ba chữ số mà tổng 3 chữ số của nó bằng 5.)*

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	C	B	A	C	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

219 + 528 825 – 429 459 + 33 736 – 49

Lời giải

$$\begin{array}{r} 219 \\ +\ 528 \\ \hline 747 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 825 \\ -\ 429 \\ \hline 396 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 459 \\ +\ 33 \\ \hline 492 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 736 \\ -\ 49 \\ \hline 687 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Số?

$\frac{1}{3}$ số quả táo là: ..... quả.

$\frac{1}{4}$ số quả táo là: ..... quả.

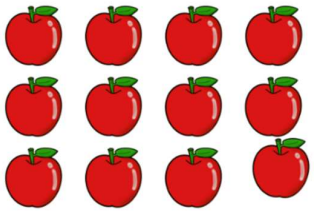

Lời giải

Có 12 quả táo.

+) Chia 12 quả táo thành 3 phần bằng nhau. Mỗi phần có 4 quả táo.

Vậy $\frac{1}{3}$ số quả táo là **4** quả.

+) Chia 12 quả táo thành 4 phần bằng nhau. Mỗi phần có 3 quả táo.

Vậy $\frac{1}{4}$ số quả táo là **3** quả.

Bài 3. (2 điểm) Buổi sáng bán được 63 lít dầu, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 56 lít dầu. Hỏi số lít dầu bán được buổi chiều bằng một phần mấy số lít dầu bán được buổi sáng?

Lời giải

Số lít dầu bán được trong buổi chiều là: $63 - 56 = 7$ (lít).

Số lít dầu buổi sáng bán được gấp số lần số lít dầu buổi chiều bán được là: 63 : 7 = 9 (lần).

Vậy số lít dầu bán được buổi chiều bằng $\frac{1}{9}$ lít dầu bán buổi sáng.

Bài 4. (0,5 điểm) Tính tổng: A = 20 – 19 + 18 – 17 + … + 4 – 3 + 2 – 1.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: **A = 10.**

(Ta có: A = 20 – 19 + 18 – 17 + … + 4 – 3 + 2 – 1.

A = (20 – 19) + (18 – 17) + … + (4 – 3) + (2 – 1).

Từ 1 đến 20 có 20 số do đó có: 20 : 2 = 10 nhóm.

Vậy A = 1 + 1 + 1 + … + 1 (10 số hạng).

A = 10.)

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	D	C	C	A	C	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$3m + 5dm$ = ...cm
$8dm + 60cm$ = ...cm
$61cm - 2dm$ = ...cm
$5m - 321cm$ = ...cm

Lời giải

$3m + 5dm = 300cm + 50cm = \mathbf{350}cm$
$8dm + 60cm = 80cm + 60cm = \mathbf{140}cm$
$61cm - 2dm = 61cm - 20cm = \mathbf{41}cm$
$5m - 321cm = 500cm - 321cm = \mathbf{179}cm$

Bài 2. (2 điểm) Quan sát hình bên và cho biết:

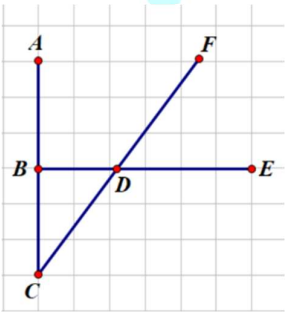

a) Kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng.

b) Điểm D nằm giữa những cặp điểm nào?

c) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng nào?

Lời giải

a) Các bộ ba điểm thẳng hàng là:

A – B – C ; F – D – C ; B – D – E .

b) Điểm D nằm giữa điểm B và điểm E; giữa điểm C và điểm F.

c) Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC.

Bài 3. (1,5 điểm) Cô giáo thưởng 32 quyển vở cho các bạn đạt học sinh giỏi trong lớp, mỗi bạn nhận được 4 quyển vở. Hỏi trong lớp có bao nhiêu bạn đạt học sinh giỏi?

Lời giải

Trong lớp có số bạn đạt học sinh giỏi là: $32 : 4 = 8$ (bạn).

Đáp số: 8 bạn đạt học sinh giỏi.

Bài 4. (0,5 điểm) Hiệu của hai số là 55, nếu thêm vào số trừ 17 đơn vị và giữ nguyên số bị trừ thì hiệu mới là bao nhiêu?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Hiệu mới là: **38.**

(Ta thấy: Nếu giữ nguyên số bị trừ và thêm vào số trừ bao nhiêu đơn vị thì hiệu sẽ giảm đi bấy nhiêu đơn vị.

- Vậy khi thêm vào số trừ 17 đơn vị và giữ nguyên số bị trừ thì hiệu sẽ giảm đi 17 đơn vị.

Hiệu mới là: $55-17=38$.*)*

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	D	B	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

4 × 3 ..... 81 : 9

8 × 6 ..... 7 × 7

30 : 5 ..... 48 : 8

64 : 8 ..... 7 × 2

Lời giải

+) Ta có: 4 × 3 = 12; 81 : 9 = 9

Mà 12 > 9 nên 4 × 3 > 81 : 9

+) Ta có: 8 × 6 = 48; 7 × 7 = 49

Mà 48 < 49 nên 8 × 6 < 7 × 7

+) Ta có: 30 : 5 = 6 ; 48 : 8 = 6

Mà 6 = 6 nên 30 : 5 = 48 : 8

+) Ta có: 64 : 8 = 8 ; 7 × 2 = 14

Mà 8 < 14 nên 64 : 8 < 7 × 2

Bài 2. (1,5 điểm) Viết phép tính thích hợp.

Con kiến bò từ đỉnh A qua các đỉnh B, C của chiếc hộp dạng hình lập phương (như bức tranh) để đến chỗ miếng dưa hấu ở đỉnh D.

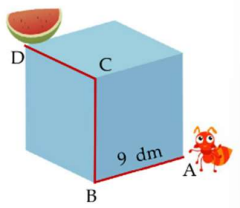

Quãng đường con kiến bò dài là:

☐ ☐ ☐ = ☐ (dm).

Lời giải

Quãng đường kiến bò chính bằng 3 lần độ dài cạnh của hình lập phương và bằng:

9 × 3 = 27 (dm).

Bài 3. (2 điểm) Hôm nay cô Mai sẽ phát phần thưởng cho các bạn đạt danh hiệu học sinh tiêu biểu tháng 10 của lớp 3A. Mỗi bạn sẽ được tặng thưởng 8 quyển vở. Bình đếm được trên bàn cô giáo có 40 quyển vở. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn đạt danh hiệu học sinh tiêu biểu tháng 10?

Lời giải

Lớp 3A có số bạn đạt danh hiệu học sinh tiêu biểu tháng 10 là:

40 : 8 = 5 (bạn).

Đáp số: 5 bạn học sinh tiêu biểu tháng 10.

Bài 4. (0,5 điểm) Ghép bốn thanh gỗ dài 18cm, 17cm, 20cm và 13cm thành một thanh gỗ dài 62cm (như hình vẽ). Biết các đoạn nối CD, EF và GH dài bằng nhau.

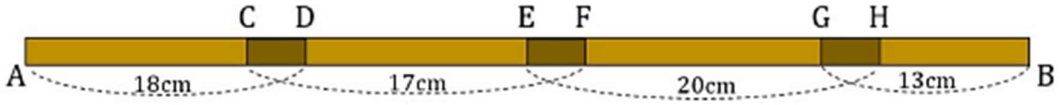

Độ dài mỗi đoạn nối là bao nhiêu?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Độ dài mỗi đoạn nối là: **2cm.**

(Tổng độ dài các thanh gỗ AD, CF, EH, GB là: 18 + 17 + 20 + 13 = 68 (cm).

Các đoạn nối CD, EF và GH được tính 2 lần nên tổng độ dài 3 đoạn nối này là:

68 – 62 = 6 (cm).

Mặt khác, độ dài các đoạn nối này bằng nhau nên độ dài mỗi đoạn nối là:

6 : 3 = 2 (cm).)

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	D	C	D	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

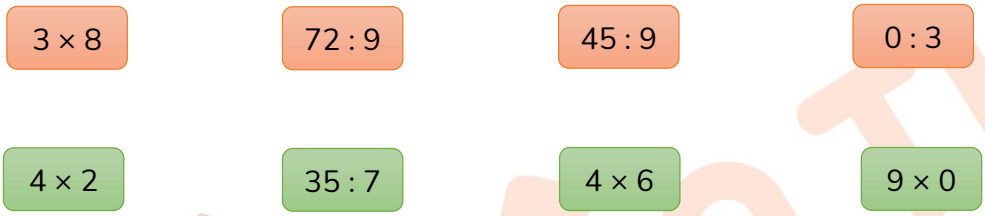

Lời giải

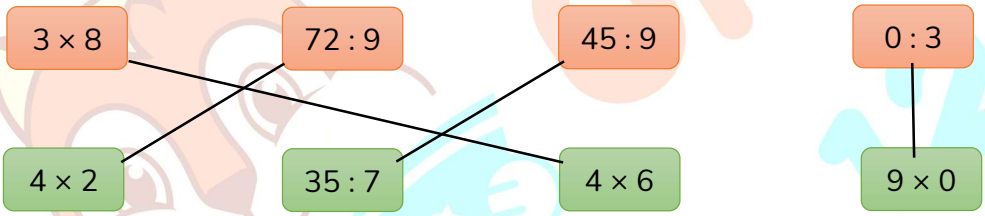

Bài 2. (1,5 điểm) Số?

$\frac{1}{3}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

$\frac{1}{8}$ số bông hoa là ☐ bông hoa.

Lời giải

Ta đếm được tất cả 24 bông hoa. Vậy:

Chia 24 bông hoa thành 3 phần bằng nhau, mỗi phần có 8 bông hoa.

$\frac{1}{3}$ số bông hoa là 8 bông hoa.

Chia 24 bông hoa thành 8 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 bông hoa.

$\frac{1}{8}$ số bông hoa là 3 bông hoa.

Bài 3. (2 điểm) Chiều nay hai chị em An và Minh giúp bố trồng 8 cây táo. Hai chị em mất 5 phút để trồng xong một cây táo.

a) Hỏi An và Minh trồng 8 cây táo hết bao nhiêu phút?

b) Khi bắt đầu trồng, An thấy đồng hồ chỉ thời gian như hình bên. Hỏi An và Minh trồng xong 8 cây táo vào lúc mấy giờ?

Lời giải

a) An và Minh trồng 8 cây táo hết số phút là: $5 \times 8 = 40$ (phút).

b) Quan sát đồng hồ ta thấy đồng hồ đang chỉ 16 giờ. Tức là An và Minh bắt đầu trồng 8 cây táo vào lúc 16 giờ.

Vậy An và Minh trồng xong 8 cây táo vào lúc: 16 giờ + 40 phút = 16 giờ 40 phút.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm số chia trong phép chia hết, biết số bị chia là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số và thương là số lớn nhất có một chữ số.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số chia trong phép chia đó là: **10.**

(Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là 90.

Số lớn nhất có một chữ số là 9.

Vậy số chia đó là 90 : 9 = 10.)

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	C	D	B	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

142 + 21 = ...
402 – 199 = ...
36 : 4 + 155 = ...
3 × 9 – 11 = ...

Lời giải

142 + 21 = 163.
402 – 199 = 203.
36 : 4 + 155 = 164.
3 × 9 – 11 = 16

Bài 2. (1,5 điểm) Hãy khoanh vào:

a) $\frac{1}{3}$ số con kiến.

b) $\frac{1}{4}$ số quả dâu.

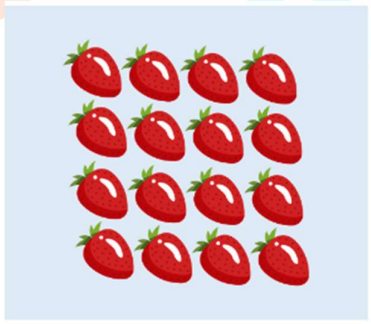

Lời giải

a) $\frac{1}{3}$ số con kiến.

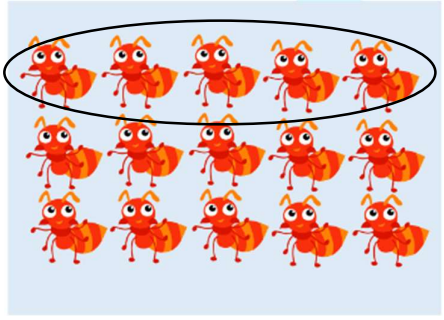

b) $\frac{1}{4}$ số quả dâu.

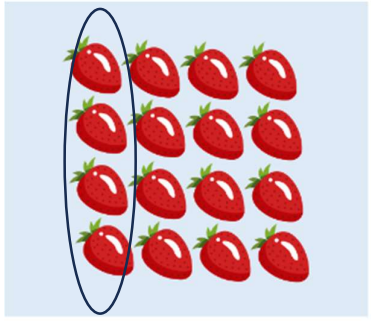

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng buổi sáng bán được 24m vải, buổi chiều bán được gấp đôi số mét vải buổi sáng. Hỏi cả ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải?

Lời giải

Buổi chiều cửa hàng đó bán được số mét vải là: $24 \times 2 = 48$ (m).

Cả ngày cửa hàng đó bán được số mét vải là: $24 + 48 = 72$ (m).

Đáp số: 72m vải.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm số bị chia biết thương là số lớn nhất có hai chữ số khác nhau, số chia bằng 5 và số dư là số dư lớn nhất có thể.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số bị chia là: **494.**

(Thương là số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là 98.

Số chia là 5 nên số dư lớn nhất có thể có là 4.

Số bị chia là: $98 \times 5 + 4 = 494$.*)*

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 3
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	B	4 ; 4	D	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Số?

Dưới đây là một số miếng dán để dùng làm phần thưởng.

a) Có tất cả .....miếng dán.

b) Được chia là ..... loại miếng dán.

c) Cô giáo thưởng đều cho mỗi bạn 4 miếng dán.

Có ..... bạn được nhận thưởng.

Lời giải

a) Có tất cả 16 miếng dán.

b) Được chia là 3 loại miếng dán (miếng dán con ong, miếng dán con bướm, miếng dán con bọ).

c) Cô giáo thưởng đều cho mỗi bạn 4 miếng dán. Có 4 bạn được nhận thưởng. (Vì 16 : 4 = 4)

Bài 2. (2 điểm) Tính nhẩm:

a) $30 \times 6 =$ .....

b) $280 : 4 =$ .....

c) $70 -$ ..... $= 30$

d) ..... $+ 25 = 100$

Lời giải

a) $30 \times 6 = 180$.

b) $280 : 4 = 70$.

c) $70 - 40 = 30$.

d) $75 + 25 = 100$.

Bài 3. (2 điểm) Một quầy bán hàng có 27kg cam và đã bán $\frac{1}{3}$ số cam đó. Hỏi quầy hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cam?

Lời giải

Quầy hàng đã bán số ki-lô-gam cam là: 27 : 3 = 9 (kg).

Quầy hàng còn lại số ki-lô-gam cam là: 27 – 9 = 18 (kg).

Đáp số: 18kg cam.

Bài 4. (0,5 điểm) Một phép chia có số chia là số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau, thương bằng 3 và số dư là số dư lớn nhất có thể. Tìm số bị chia.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số bị chia là: **43.**

(Số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là: 11.

Số chia là 11 thì số dư lớn nhất có thể là: 10.

Số bị chia là: $11 \times 3 + 10 = 43$*.)*

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	D	A	B	4; 4	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a)

b)

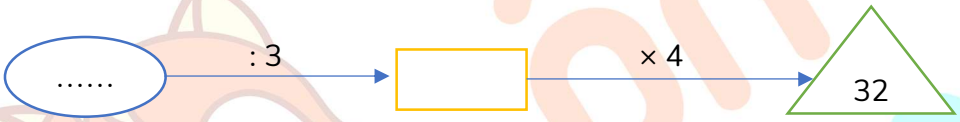

Lời giải

a)Ta có: 750 – 200 = 550.

550 + 50 = 600.

Vậy số cần điền vào chỗ chấm là: 600.

b) Số cần điền vào hình chữ nhật là: 32 : 4 = 8.

Ta thấy: 24 : 3 = 8.

Do đó số cần điền vào chỗ chấm là: 24.

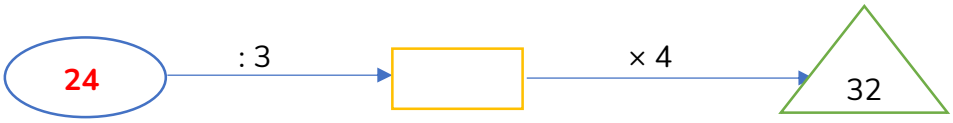

Bài 2. (1,5 điểm) Bố Trung làm những chiếc ghế có dạng khối hộp chữ nhật như hình bên. Mỗi cạnh là một thanh sắt. Mỗi chiếc ghế cần một tấm gỗ dán phía trên và một tấm gỗ dán phía dưới. Vậy:

a) Một chiếc ghế cần ..... thanh sắt.

b) Sáu chiếc ghế cần ..... tấm gỗ.

Lời giải

Khối hộp chữ nhật có 12 cạnh. Mỗi cạnh là 1 thanh sắt.

a) Vậy một chiếc ghế cần **12** thanh sắt.

b) Mỗi chiếc ghế cần 2 tấm gỗ.

Vậy sáu chiếc ghế cần: $2 \times 6 = \mathbf{12}$ (tấm gỗ).

Bài 3. (2 điểm) Người ta xếp 40 chiếc bánh vào các hộp. Mỗi hộp có 4 chiếc bánh. Sau đó xếp các hộp bánh vào các thùng, mỗi thùng 2 hộp bánh. Hỏi có bao nhiêu thùng bánh sau khi xếp?

Lời giải

Người ta xếp được số hộp bánh là: 40 : 4 = 10 (hộp).

Người ta xếp được số thùng bánh là: 10 : 2 = 5 (thùng).

Đáp số: 5 thùng bánh.

Bài 4. (0,5 điểm) Cô giáo có 20 quyển sách. Cô thưởng cho các bạn học sinh giỏi $\frac{1}{4}$ số sách, $\frac{1}{5}$ số sách cô thưởng cho các bạn học sinh khá. Hỏi sau khi cô thưởng cho các bạn học sinh giỏi và khá, cô còn lại bao nhiêu quyển sách?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Cô còn lại số quyển sách là: **11** quyển.

(Cô thưởng cho các bạn học sinh giỏi số quyển sách là: $20 : 4 = 5$ *(quyển).*

Cô thưởng cho các bạn học sinh khá số quyển sách là: $20 : 5 = 4$ *(quyển).*

Sau khi cô thưởng cho các bạn học sinh giỏi và khá, cô còn lại số quyển sách là:

20 – 5 – 4 = 11 (quyển).)